

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CỔ LŨNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số: 80/TB-UBND

Cổ Lũng, ngày 13 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2023 xã Cổ Lũng trình tại kỳ họp thứ
năm HĐND xã nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ số liệu dự toán đã được thống nhất tại cuộc họp thảo luận dự toán năm 2023 giữa Phòng TC-KH huyện Phú Lương và UBND xã Cổ Lũng.

UBND xã Cổ Lũng thông báo công khai dự toán ngân sách năm 2023 trình tại kỳ họp thứ năm HĐND xã Cổ Lũng nhiệm kỳ 2021-2026. Số liệu công khai theo mẫu biểu số: 103/CKTC-NSNN; 104/CKTC-NSNN; 105/CKTC-NSNN; 106/CKTC-NSNN; 107/CKTC-NSNN.

(Có mẫu biểu kèm theo)

Vậy UBND xã Cổ Lũng thông báo phòng ban liên quan và các xóm trên địa bàn xã được biết.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- TT ĐU-HĐND;
- 18 xóm;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Phong

THUYẾT MINH
Dự toán thu chi ngân sách năm 2023 xã Cổ Lũng trình HĐND phê chuẩn

(Kèm theo Thông báo số: 80/QĐ-UBND, ngày 13/12/2022 của UBND xã)

Căn cứ số liệu thảo luận dự toán thu chi ngân sách xã Cổ Lũng năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Lương về phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2023; UBND xã xây dựng Kế hoạch phân bổ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2023 như sau:

1. Dự toán thu ngân sách xã 2023

- Thu cân đối ngân sách xã trên địa bàn: 2.214.000.000 đ
- Tổng Thu ngân sách xã năm: 6.434.000.000 đ trong đó:
 - + Thu cân đối được điều tiết: 1.356.000.000 đ
 - + Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 5.078.000.000 đ

2. Dự toán chi ngân sách xã năm 20243

- Tổng chi ngân sách xã năm : 6.434.000.000 đ
 - + Chi thường xuyên: 6.308.000.000 đ
 - + Dự phòng ngân sách: 126.000.000 đ

3. Giải pháp thực hiện dự toán thu chi năm 2023

3.1 Đối với công tác thu ngân sách:

Năm 2023 tiếp tục thực hiện kế hoạch thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã dựa vào tỷ lệ tăng trưởng trên kết quả thực hiện thu NSNN trên địa bàn năm 2022, trong đó Chỉ tiêu thuế TNCN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản và Lệ phí trước bạ nhà đất được giao cho đơn vị trong dự toán thu, vì vậy để thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu này là rất khó khăn, cần có sự chỉ đạo tập trung đồng bộ của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, công tác điều hành của UBND xã; sự phối hợp chặt chẽ với các cấp, ban ngành đoàn thể trong công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với nhà nước, đồng thời kiên quyết xử lý các tổ chức cá nhân vi phạm các quy định về thuế, luật đất đai. Kiểm tra và quản lý chặt chẽ các loại thuế từ đất đai, tài nguyên, các hộ kinh doanh trên địa bàn nhằm thu đúng, thu đủ nộp vào ngân sách nhà nước.

các ngành, cán bộ chi cục thuế phụ trách địa bàn kiểm tra, lập bộ, thu thuế đối với các cơ sở kinh doanh phát sinh trên địa bàn như: hoạt động vận tải, xây dựng, kinh doanh xăng dầu... và phối hợp với cơ quan chức năng tích cực chống thất thu ngân sách trên các hoạt động kinh doanh trên.

Kiểm tra, đôn đốc, đối chiếu và tích cực tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân đóng góp các loại quỹ, nộp đối ứng xây dựng đạt kết quả cao, quản lý và sử dụng có hiệu quả.

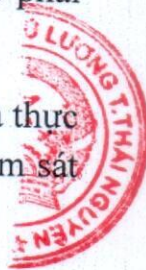
Động viên khen thưởng kịp thời đối với các tổ chức, cá nhân hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu Kinh tế xã hội.

3.2. Đối với công tác chi ngân sách

Dự toán chi ngân sách năm 2023 được giao cao hơn năm trước để đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách mới theo mức lương cơ sở mới và Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên như: Phụ cấp cán bộ không chuyên trách cấp xã, cấp xóm, Phụ cấp phó xóm và các chức danh khác... Thực hiện chi ngân sách đúng quy định của Luật ngân sách. Thực hành tiết kiệm chi, chống lãng phí, đảm bảo chi không vượt dự toán; Công khai và quyết toán theo đúng quy định. Các ban ngành đoàn thể có dự toán chi phải xây dựng kế hoạch chi tiết của mình và chủ động kiểm soát dự toán chi và thanh toán ngay không để dồn đến cuối năm mới thanh toán. Các khoản tạm ứng chi bằng tiền mặt phải có kế hoạch đăng ký trước 05 ngày để ban tài chính bố trí tiền mặt và trong vòng 7 ngày khi hoạt động kết thúc phải lập chứng từ gửi ban tài chính để thanh quyết toán với Kho bạc nhà nước. Các khoản chi có hóa đơn và tài khoản đơn vị cung cấp phải thanh toán bằng chuyển khoản, hạn chế chi bằng tiền mặt.

Tiếp tục tiếp nhận các nguồn xã hội hóa lắp đặt thêm camera giám sát và thực hiện quản lý tốt, duy tu bảo dưỡng, sử dụng có hiệu quả hệ thống camera giám sát an ninh trên địa bàn xã.

Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản cần thực hiện đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định, các danh mục công trình của xóm cần xây dựng phải có kế hoạch đăng ký với UBND xã vào tháng 8 năm trước để UBND xã tổng hợp báo cáo xin chủ trương và thiết lập hồ sơ đúng thời gian quy định. Ưu tiên nguồn bổ sung có mục tiêu để trả nợ XDCB các công trình. Kế hoạch chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 thực hiện thanh toán vốn đầu tư công trả nợ cho các công trình hoàn thành năm 2022 là 2.772 triệu đồng. Dự kiến có 09 công trình khởi công mới, tổng giá trị mức đầu tư: 11.770





CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.434.000.000	TỔNG SỐ CHI	6.434.000.000
thu 100%	499.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	857.000.000	II. Chi thường xuyên	6.308.000.000
ng ngân sách từ cấp trên	5.078.000.000	III. Dự phòng	126.000.000
ngân sách từ cấp trên	5.078.000.000		
có mục tiêu từ ngân sách cấp trên			
n nguồn	0		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)



Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			DỰ TOÁN NĂM 2023			SO SÁNH %	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
B	1	2	4	3	4	4=4/2	5=3/1	4=4/2
TỔNG THU	1.977.363.000	10.508.807.364	6.434.000.000	2.214.000.000	6.434.000.000	61,22	111,97	61,22
thu 100%	1.500.058.000	1.500.058.000	114.000.000	114.000.000	114.000.000	7,6	7,6	7,6
lợi ích và thu hoa lợi	73.644.000	73.644.000	89.000.000	89.000.000	89.000.000	120,9	120,9	120,9
kinh tế và sự nghiệp								
khác theo quy định								
sách								
dân theo quy định	1.409.164.000	1.409.164.000						
các tổ chức,	17.250.000	17.250.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	144,9	144,9	144,9
thu phân chia theo tỷ lệ (%)	477.305.000	1.152.305.000	2.100.000.000	2.100.000.000	1.242.000.000	107,8	440,0	107,8
chia	102.305.000	262.305.000	400.000.000	400.000.000	232.000.000	391,0	391,0	88,4
đất phi nông nghiệp	49.005.000	49.005.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000			
đất nông nghiệp thu từ								
thu từ cá nhân, hộ	53.300.000	53.300.000	53.000.000	53.000.000	53.000.000			
nhà đất		160.000.000	167.000.000	335.000.000	167.000.000			
phân chia khác do cấp	375.000.000	890.000.000	1.010.000.000	1.700.000.000	1.010.000.000	453,3	453,3	113,5
tăng	250.000.000	250.000.000	320.000.000	320.000.000	320.000.000	128,0	128,0	128,0
phân chia từ	125.000.000	640.000.000	690.000.000	1.380.000.000	690.000.000	1.104,0	1.104,0	107,8



trợ không hoàn lại trực nếu có)						
ên nguồn						
ư ngân sách năm trước				40.000.000		
ung từ ngân sách cấp trên				22.251.364		
đối ngân sách				7.794.193.000		5.078.000.000
mục tiêu				5.208.000.000		5.078.000.000
				2.586.193.000		0

động kinh tế khác	35.000.000		35.000.000	35.000.000	35.000.000	100,0	100,0
in lý Nhà nước	5.145.657.000	0	5.374.998.000	5.019.581.000	0	97,5	93,4
Quỹ lương							
lý nhà nước	3.747.303.000		3.747.303.000	3.424.472.000		91,4	91,4
Công sản Việt Nam	796.866.000		796.866.000	765.989.000		96,1	96,1
ận tổ quốc Việt Nam	252.016.000		252.016.000	248.135.000		98,5	98,5
TNCS Hồ Chí Minh	152.197.000		152.197.000	142.875.000		93,9	93,9
iên hiệp Phụ nữ	113.553.000		113.553.000	110.109.000		97,0	97,0
ưu chiến binh	83.722.000		83.722.000	68.172.000		81,4	81,4
ông dân	114.737.000		114.737.000	138.565.000		120,8	120,8
ười cao tuổi	77.056.000		77.056.000	83.716.000		108,6	108,6
nữ thập đỏ	21.456.000		21.456.000	21.456.000		100,0	100,0
khuyến học	16.092.000		16.092.000	16.092.000			
công tác xã hội	211.160.000		211.160.000	231.160.000		109,5	109,5
ang tháng cho cán bộ							
c theo chế độ quy	211.160.000		211.160.000	211.160.000		100,0	100,0
cấp khác							
i, người già không							
ưa							
ì hội							
ng	0		125.000.000	126.000.000			
				20.000.000			
				126.000.000			

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Nghìn đồng

Nội dung trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
						Tổng số	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
NG SÓ		6.332.000	2.245.000	5.546.000	2.874.000	8.720.300	9.444.000	5.700.000
nguồn tiếp		6.332.000	2.245.000	5.546.000	2.874.000	3.244.000	2.694.000	550.000
nghĩa trang liệt sỹ	2018-2018	848.000	300.000	848.000	502.000	346.000	346.000	
nhà vệ sinh - g	2021-2022	272.000			100.000	172.000	172.000	
hạn một cửa xã Cổ	2022-2022	1.195.000		1.195.000	432.000	763.000	763.000	
ng xã Cổ Lũng	2022-2023	1.130.000	110.000	700.000	500.000	500.000	390.000	110.000
m Bá Sơn năm	2022-2022	604.000	386.000	520.000	190.000	330.000	189.000	141.000
n Lăng Đông năm	2022-2022	448.000	293.000	448.000	200.000	248.000	155.000	93.000
n Cổ Lũng năm	2022-2022	644.000	408.000	644.000	350.000	294.000	236.000	58.000
n Công Đồn năm	2022-2022	405.000	257.000	405.000	200.000	205.000	148.000	57.000
n Độc Cọ năm	2022-2022	357.000	226.000	357.000	170.000	187.000	131.000	56.000



ôm Cây Thị năm	2022-2022	429.000	265.000	429.000	230.000	199.000	199.000	164.000	35.000
ời công mới		-	-	-	-	5.476.300	-	6.750.000	5.150.000
hành trong năm		-	-	-	-	5.476.300	-	6.750.000	5.150.000
T xã Cổ Lũng (Sản ng giai đoạn 2)	2023-2023					3.100		3.100.000	
ôm Làng Phan năm	2023-2023					1.600.000		500.000	1.100.000
ôm Bồ Đậu năm	2023-2023					1.200.000		400.000	800.000
ôm Làng Ngói năm	2023-2023					1.500.000		450.000	1.050.000
ôm Làng Đông năm	2023-2023					800.000		250.000	550.000
ôm Đường Gòong	2023-2023					1.500		600.000	900.000
ôm Bãi Nha năm	2023-2023					500		120.000	380.000
ôm Đồi Chè năm	2023-2023					370.000		130.000	370.000
Nhà văn hoá xã Cổ	2023-2023					1.200		1.200.000	





Biểu số 107/CK TC-NSN

Biểu số 107/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

ĐVT: 1000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2022			Kế hoạch năm 2023		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
Tổng số	259.841	157.174	102.667	259.000	259.000	0
chính nhà nước ngoài ngân sách	259.841	157.174	102.667	259.000	259.000	0
Cao Tuổi	23.890	19.180	4.710	25.000	25.000	0
đáp nghĩa	43.123	39.550	3.573	44.000	44.000	0
trẻ em	61.633	42.414	19.219	50.000	50.000	0
đi nghèo	56.799	29.540	27.259	55.000	55.000	0
	16.775	3.200	13.575	25.000	25.000	0
ạo	42.811	8.480	34.331	45.000	45.000	0
Học	14.810	14.810	0	15.000	15.000	0
ng sự nghiệp						

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CỔ LŨNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

BIÊN BẢN

**Xác nhận niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND xã
của UBND xã Cổ Lũng**

Hôm nay, hồi 9 giờ 00 ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại UBND xã Cổ Lũng chúng tôi gồm có:

1. Ông Bùi Đức Phong - Chủ tịch UBND .
 2. Ông Lưu Trường Giang - Phó chủ tịch UBND.
 3. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kế toán.
 4. Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết - Văn phòng.
- Chủ tọa: Ông Bùi Đức Phong
- Thư ký: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

* **Nội dung:** Xác nhận niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2023 trình HĐND của UBND xã Cổ Lũng với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: mẫu biểu công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách năm 2023 trình HĐND xã của UBND xã Cổ Lũng gồm các mẫu biểu số: 103/CKTC-NSNN; 104/CKTC-NSNN; 105/CKTC-NSNN; 106/CKTC-NSNN; 107/CKTC-NSNN

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 14/12/2022 đến hết ngày 13/01/2023

- Hình thức niêm yết: dán niêm yết tại trụ sở UBND xã Cổ Lũng và trên trang điện tử của xã.

Biên bản lập xong hồi 09h15 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Bạch Tuyết



Bùi Đức Phong